TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **21**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Bắc

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang ngày 12/11/2012. Quá trình chung sống, ông N có hành vi hành hung, đe dọa bà T; hiện nay bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông N, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 22/7/2013, hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn N đúng theo quy định pháp luật, nhưng ông N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/6/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) ngày 12/11/2012 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, thấy rằng: Hiện nay bà T không còn tình cảm yêu thương ông N và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông N vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trường hợp tiếp tục chung sống với ông N sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 22/7/2013, hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông N không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở nguyện vọng của con chung mong muốn tiếp tục sống chung với bà T và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của bà T vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Quốc K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà T không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 22/7/2013 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 14/4/2025, bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0005462 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Minh Út